

IN MEMORIAM: NGUYỄN VĂN LỢI (1947-2020)



Professor Nguyễn Văn Lợi speaking at a linguistics conference in Hanoi on December 20, 2020

Professor Nguyễn Văn Lợi (Ph.D.), a well-known linguist in Vietnam and a close friend of many linguists around the world, died suddenly at 7 pm on December 20, 2020 shortly after having just attended a conference held at the Institute of Linguistics in Hanoi, “Vietnamese Linguistics in the Regional and International Linguistic Context”. At the event, he had given a presentation entitled “Cơ tầng Chăm trong tiếng Quảng Bình (Trên cơ sở tư liệu về thanh điệu một số thổ ngữ ở Quảng Bình)” [The Cham substrate in the Quang Binh language (Based on tone data of some dialects in Quang Binh province)].

Professor Lợi was born on June 9, 1947 in Nam Dinh Province, Vietnam. In 1966, he pursued the field of linguistics in the Department of Literature of the University of Hanoi. In 1970, he graduated and was assigned to work at the Linguistics Institute in the Vietnam Social Sciences Committee (now the Vietnamese Academy of Social Sciences). His primary task was researching the languages of ethnic minorities in Vietnam. Between 1979 and 1983, he was sent to do graduate study at the Institute of Oriental Studies in the USSR Academy of Sciences. In 1983, he completed his thesis on the subject of historical phonetics and Hmong dialects. After completing the program at the Institute of Oriental Studies, he returned to work at the Institute of Linguistics. From 1995 to 2005, he was assigned the responsibility of Deputy Director of the Institute of Linguistics in Hanoi. He was promoted to Professor in 1996. Since 2008, he had worked at the Institute of Dictionary and Encyclopedia of Vietnam.

During the course of his scientific research activities, Professor Lợi focused on research and made many contributions to the field of linguistics in Vietnam. While some of his publications were in English, his work was mostly published in Vietnamese, making it less accessible to the international linguistic community. It is therefore worthwhile to summarize the multiple areas of his contributions to linguistic research, including English translations of titles published in Vietnamese.

As for his work and service, it first of all includes success in studying the root relationships between language families, languages groups and individual languages throughout Vietnam and bordering regions. Many of his articles have addressed these matters.

- Thêm một số tư liệu về quan hệ giữa các ngôn ngữ Mèo-Đao và Môn-Khmer [Some data on the relation between Miao-Yao and Mon-Khmer languages] (1973)

- Sự phân loại và tình hình phân bố' ngôn ngữ các dân tộc ở miền Nam nước ta [On the classification and the distribution of ethnic languages in southern Vietnam] (1977)
- Tiếng Việt và họ ngôn ngữ Nam Á [The Vietnamese language and the Austroasiatic family] (1990)
- Vấn đề nguồn gốc chung của các ngôn ngữ thế giới: Thông tin tư liệu [On the common origin of the languages in the world] (1991)
- Lịch sử tộc người các dân tộc Mèo Dao qua cứ liệu ngôn ngữ [Ethnic history of Miao-Yao ethnic group based on the language data] (1993)
- Vị trí của tiếng Mảng trong các ngôn ngữ Mon-Khmer [The position of Mang language in Mon-Khmer languages] (1998)
- Vấn đề xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam [The issue of redefining the composition of some ethnic groups in Vietnam] (2002)
- Quan hệ Cao Lan, Sán Chi xét về mặt ngôn ngữ [The relationship between Cao Lan and San Chi seen through language] (2004)
- Vấn đề quan hệ ngôn ngữ tộc người các nhóm Pa cô, Ta ôi Việt Nam [The question of the linguistic relationship between the Pacoh and Taoih ethnic groups] (2008)

Beyond his own research on the languages of Vietnam, Professor Lợi was also the chairman of many major scientific projects and was the leader of many collaborative linguistic fieldwork teams (Vietnamese-Russian, Vietnamese-United States, and Vietnamese-Laotian) in researching the languages of Vietnam and the region. On the basis of such research, in a 2013 publication, he was the first Vietnamese linguist to posit that in Vietnam, there are 90 languages of ethnic minorities belonging to five language families.

The second research path he followed in was the history of the development of languages in Vietnam, especially historical phonology. He convincingly pointed out a series of discoveries contributing to clarification of the history of phonetic development of languages and language groups in Vietnam. Readers can easily see this research agenda through the following series of his publications.

- Vai trò của cứ liệu lịch sử trong miêu tả âm vị học (về các tiêu chí âm vị học của phụ âm tiên mũi tiếng Hmông) [The role of historical data in phonological description (regarding the phonological criterion of the prenasalized consonants in the Hmong language)] (1984)
- Sự hình thành đối lập đường nét thanh điệu bằng/không bằng trong các ngôn ngữ Việt-Mường (trên tư liệu tiếng Arem và Rục) [The formation of the contrast of melodic contour between level and unlevel (unidirectional) tones in Viet-Muong languages (data from Arem and Ruc)] (1988)
- Quá trình hình thành sự đối lập âm vực thanh điệu trong các ngôn ngữ Việt Mường [On the formation of the contrast of Viet-Muong tone registers] (1991)
- Trung tố cấu tạo danh từ Proto Việt -Mường và dấu vết của chúng trong tiếng Việt hiện đại [Noun-forming infixes in Proto-Viet-Muong and their traces in modern Vietnamese language] (1992)
- Lịch sử tộc người các dân tộc Mèo Dao qua cứ liệu ngôn ngữ [Ethnic history of Miao-Yao ethnic group based on language data] (1993)
- Tộc danh của một số dân tộc ở Nam Trung Quốc và Đông Nam Á. Vấn đề tên gọi Giao Chi [Ethnonyms of some ethnicities in southern China and Southeast Asia: the question of the name Giao Chi] (1993)
- Thanh điệu một vài thổ ngữ Nghệ An, từ góc nhìn đồng đại và lịch đại [Tones of some subdialects in Nghe An from the synchronic and diachronic views] (2002)
- Thanh điệu và nguồn gốc thanh điệu trong ngôn ngữ Chơ Lao [Tones and the origin of tones in the Cholao language] (2005)
- Các ngôn ngữ nhánh Việt (Vietic) và vấn đề nguồn gốc tên gọi Cừ Chân. [Sub-branches of Vietic and the question of the origin of the name of Ceu Chan] (2008)
- Tí (Chuột) trong hệ thập nhị chi và một số vấn đề tiền sử ngôn ngữ Đông Nam Á ['Mouse' in the twelve-branch system and some questions of the linguistic prehistory in Southeast Asia] (2008)
- Phục nguyên hệ thống ngữ âm tiếng Việt thế kỉ XVII (Trên cơ sở Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum (Từ điển Việt-Bồ Đào Nha-Latin) của Alexandre de Rhodes) [A phonological reconstruction of 17th century Vietnamese (based on the Annamese-Portuguese-Latin dictionary of Alexandre de Rhodes)] (2010)

The third research direction that Professor Lợi pursued was the structural and typological characteristics of the languages in Vietnam. In this research path, through his works, many structural and typological features of the languages in Vietnam have been discovered and described. He was among the first researchers in Vietnam to use computer programs in phonetic research into these languages. These interesting descriptions and discoveries can be found through many of his publications.

- Láy từ và từ láy trong tiếng Mèo = [Reduplication and reduplicated words in Miao] (1975)
- Về những đặc điểm của một ngôn ngữ đơn tiết trong tiếng Pakoh-Taoh [On characteristics of a monosyllabic language (Pakoh-Taoh language)] (1985)
- Loại hình học đồng đại và lịch đại: hiện tượng tiền mũi trong các ngôn ngữ Đông Nam Á [Diachronic and synchronic typology: prenasalization in Southeast Asian languages] (1987)
- Tiếng Rục [The Ruc language] (1993)
- Cách cấu tạo các từ chỉ thời gian (ngày, năm) trong một số ngôn ngữ nhóm Ka Tu và Việt Mường [Methods of forming time expressions (days, years) in some Katuic and Viet-Muong languages] (1994)
- Thanh điệu và chất giọng (voice quality) trong tiếng Việt hiện đại (phương ngữ Bắc Bộ): khảo sát thực nghiệm [The tones and voice quality in modern northern Vietnamese: instrumental case studies] (1997)
- Đặc điểm ngữ âm-âm vị học của phụ âm tắc, hữu thanh, thở trong các ngôn ngữ ở Việt Nam và Đông Nam Á (trên bình diện đồng đại và lịch đại) [Phonetic/phonological features of stops, voicing, and breathiness in the languages of Vietnam and Southeast Asia] (2004)
- Giải thuyết âm vị học của Cao Xuân Hạo về cách tiếp hợp - nhìn từ các đặc trưng âm học của vần tiếng Việt (Trên cơ sở phân tích thực nghiệm bằng computer) [Phonological theory of Cao Xuan Hao on the synoptic method, seen from the phonetic features of Vietnamese rhymes (based on experimental analysis by computer)] (2007)
- Ngữ pháp tiếng Hmông [Hmong Grammar] (2018)
- Tones in the Cui language of Tan Ki district in Nghe An province, Vietnam (2019)

The fourth research direction was language ecology and language policy, especially regarding languages at risk of extinction in Vietnam. The success of this research direction is demonstrated through research works such as the following.

- Sinh thái ngôn ngữ và sự phát triển xã hội [Language ecology and social development] (1994)
- Vị thế của tiếng Việt ở nước ta hiện nay [The status of Vietnamese language in Vietnam today] (1995)
- Các ngôn ngữ nguy cấp và việc bảo tồn sự đa dạng văn hoá, ngôn ngữ tộc người ở Việt Nam [Endangered languages and the preservation, development of cultural, linguistic diversity of ethnic groups in Vietnam] (1999)
- Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa dân tộc [Some problems of language policy in multinational states] (2000)
- Về sự phát triển của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thế kỉ XX [On the development of languages of ethnic minorities in Vietnam in the twentieth century] (2001)
- Từ điển học và việc bảo tồn các ngôn ngữ có nguy cơ tiêu vong [Lexicography and the conservation of endangered languages] (2012)

In addition to the four main research trends above, in the last ten years, Professor Lợi also devoted attention to the study of theory and compiling methods of dictionaries and encyclopedias and of speech pathology. In his published works, many aspects of theory and experience compiling dictionaries and encyclopedias and methods of overcoming speech impediments are highly appreciated as pioneering research in Vietnam in these fields. Some works that can be mentioned are as follows.

- Bệnh nghề nghiệp về thanh quản ảnh hưởng đến khả năng phát âm thanh điệu ở giáo viên tiểu học [An occupational disease of the larynx affects primary teachers' ability to produce tones] (2001)
- Từ điển học và bách khoa thư (phạm vi, đối tượng và quan hệ). [Lexicography and Encyclopedias (scope, object and relationship)] (2013)
- Từ điển học và Bách khoa thư học: Đôi điều suy nghĩ về ngành, nghề và nghiệp [Lexicography and Encyclopedias: Some thoughts about Industry, Careers and Careers] (2013)
- Đặc trưng âm vị học của âm đệm -w- và việc xây dựng bảng từ đo thính lực lời tiếng Việt [Phonological characteristics of medial -w- and the construction of a wordlist to measure perception of Vietnamese speech] (2014)

- Nghiên cứu tác động hỗ trợ của thanh quản điện cho tập giọng thực quản [Research on the supportive effects of the electric larynx for esophageal voice training] (2016)
- Đối chiếu thính lực âm và thính lực lời qua bảng câu thính lực lời tiếng Việt trên bệnh nhân nghe kém tuổi già [Comparing the perception of sounds and speech through a Vietnamese language speech-hearing questionnaire for elderly hearing-impaired patients] (2016)
- Nghiên cứu từ điển và bách khoa thư [Research on dictionaries and encyclopedias] (2020)

Besides his scientific research, Professor Lợi was also a highly respected teacher of many generations of students. He has successfully guided dozens of students through to their doctoral dissertations and master's theses. He also taught at many training institutions and was a speaker at many scientific seminars.

Looking back on the path of scientific research and his achievements, it can be seen that Professor Nguyễn Văn Lợi was a leading expert in Vietnam in researching many fields of linguistics, ethnic minority languages, and phonetics and was a profound researcher of lexicography and encyclopedia study. Many of his works are highly valued both in Vietnam and abroad; such materials are indispensable for those who go into the aforementioned fields. He was a shining example of his passion for research and his desire to contribute to science.

Professor Lợi was both a colleague and a close friend of many linguists in different countries such as J. PLam; V.M. Solntsev; N.V. Solntseva; I.N. Kamarova; N.K. Sokolovskaja; I.V. Samarina; Jerold A. Edmondson; Mark J. Alves; Gerard Diffloth; Michel Ferlus; Ilia Peiros, and many others. He was also a link connecting linguists around the world who were interested in languages in Vietnam with researchers, colleagues, and friends in the country.

Nguyễn Hữu Hoàn
The Institute of Linguistics, Hanoi

Partial List of Publications of Nguyễn Văn Lợi

In tribute to Professor Nguyễn Văn Lợi, we would like to introduce to readers his list of some of his published articles and books.

I. Articles published in specialized journals and proceedings of scientific conferences

1973. Thêm một số tư liệu về quan hệ giữa các ngôn ngữ Mèo-Dao và Môn-Khome [Some data on the relation between Miao-Yao and Mon-Khmer languages. *Ngôn ngữ* (1973) 1:5-15.
1975. Láy từ và từ láy trong tiếng Mèo [Reduplication and reduplicated words in Miao]. *Ngôn ngữ* (1975) 1:21-25.
1977. Sự phân loại và tình hình phân bố' ngôn ngữ các dân tộc ở miền Nam nước ta [On the classification and the distribution of ethnic languages in the South of Vietnam]. *Ngôn ngữ* (1977) 1:41-54.
1984. Vai trò của cứ liệu lịch sử trong miêu tả âm vị học (về các tiêu chí âm vị học của phụ âm tiền mũi tiếng Hmông) [The role of historical data in the phonological description (on the phonological criterion of the prenasalized consonants in the language Hmong). *Ngôn ngữ* (1984) 4:46-51.
1985. Về những đặc điểm của một ngôn ngữ đơn tiết trong tiếng Pakoh-Taôi [On characteristics of a monosyllabic language (the Pakoh-Taoh languages)]. *Ngôn ngữ* (1985) 4:43-44.
1987. Loại hình học đồng đại và lịch đại: hiện tượng tiền mũi trong các ngôn ngữ Đông Nam Á [Diachronic and synchronic typology: prenasalization in Southeast Asian languages]. *Ngôn ngữ* (1987) 1-2:36-47.
1988. Sự hình thành đối lập đường nét thanh điệu bằng/không bằng trong các ngôn ngữ Việt-Mường (trên tư liệu tiếng Arem và Rục) [The formation of the opposition of melodic contour between level and unlevel (unidirectional) tones in Viet-Muong languages (data from Arem and Rue). *Ngôn ngữ* (1988) 2:3-9.
1990. Tiếng Việt và họ ngôn ngữ Nam Á [The Vietnamese language and the Austroasiatic family]. *Ngôn ngữ* (1990) 4:52-53.
1991. Về quá trình hình thành sự đối lập âm vực thanh điệu trong các ngôn ngữ Việt Mường [On the formation of the oppositions of Viet-Muong tone registers]. *Ngôn ngữ* (1991) 1:49-59.

1991. Vấn đề nguồn gốc chung của các ngôn ngữ thế giới: Thông tin tư liệu — On the common origin of the languages in the world]. *Ngôn ngữ* (1991) 4:13-18.
1992. Trung tố cấu tạo danh từ Proto Việt -Mường và dấu vết của chúng trong tiếng Việt hiện đại [Noun forming infixes in Proto Viet-Muong and their traces in modern Vietnamese language]. *Ngôn ngữ* (1992) 2:29-36.
1993. Lịch sử tộc người các dân tộc Mèo Dao qua cứ liệu ngôn ngữ [Ethnic history of Miao-Yao ethnic group based on the language data]. *Ngôn ngữ* (1993) 4:25-41.
1993. Tộc danh của một số dân tộc ở Nam Trung Quốc và Đông Nam Á. Vấn đề tên gọi Giao Chi [Ethnonyms of some ethnicities in southern China and Southeast Asia: the question of the name Giao Chi]. *Việt Nam, những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội*, 35-44.
1994. Cách cấu tạo các từ chỉ thời gian (ngày, năm) trong một số ngôn ngữ nhóm Ka Tu và Việt Mường [Methods of forming time expressions (days, years) in some Katuic and Viet-Muong languages]. *Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Các Dân Tộc Ở Việt Nam*, 94-118. Hanoi: Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội.
1994. Sinh thái ngôn ngữ và sự phát triển xã hội [Language ecology and social development]. *Ngôn ngữ* (1994) 4:40-46.
1995. Vị thế của tiếng Việt ở nước ta hiện nay [The status of Vietnamese language in Vietnam today]. *Ngôn ngữ* (1995) 4:7-14.
1997. Thanh điệu và chất giọng (voice quality) trong tiếng Việt hiện đại (phương ngữ Bắc Bộ): khảo sát thực nghiệm [The tones and voice quality in modern northern Vietnamese: instrumental case studies]. *Ngôn ngữ* (1997) 1:1-16 (co-authored with Jerold A. Edmondson).
1998. Paul King Benedict-Nhà nghiên cứu các ngôn ngữ Đông Nam Á [Paul King Benedict-The researcher of Southeast Asian languages]. *Ngôn ngữ* (1998) 3:1-8.
1998. Vị trí của tiếng Mảng trong các ngôn ngữ Mon-Khmer [The position of Mang language in the Mon-Khmer languages]. *Ngôn ngữ* (1998) 3:45-55. (co-authored with Nguyễn Hữu Hoàn and Tạ Văn Thông).
1999. Các ngôn ngữ nguy cấp và việc bảo tồn sự đa dạng văn hoá ngôn ngữ tộc người ở Việt Nam [Endangered languages and the preservation, development of cultural, linguistic diversity of ethnic groups in Vietnam]. *Ngôn ngữ* (1999) 4:47-60.
2000. Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa dân tộc [Some problems of language policy in multinational states]. *Ngôn ngữ* (2000) 1:19-29.
2000. V.M. Solntsev nhà ngôn ngữ học lớn, chuyên gia hàng đầu về các ngôn ngữ phương Đông [V.M. Solntsev, a great linguist, a top expert on Eastern languages]. *Ngôn ngữ* (2000) 6:17-24.
2001. Bệnh nghề nghiệp về thanh quản ảnh hưởng đến khả năng phát âm thanh điệu ở giáo viên tiểu học trong [An occupational disease of the larynx affects primary teachers' ability to produce tones]. *Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học viện ngôn ngữ*, 60-79. Hanoi: Viện Ngôn Ngữ Học. (co-authored with Ngô Ngọc Liên).
2001. Về sự phát triển của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thế kỉ XX [On the development of languages of ethnic minorities in Vietnam in the twentieth century]. *Ngôn ngữ* (2001) 2. (co-authored with Lý Toàn Thắng)
2002. Thanh điệu một vài thổ ngữ Nghệ An, từ góc nhìn đồng đại và lịch đại [Tones of some subdialects in Nghe An from synchronic and diachronic views]. *Ngôn ngữ* (2002) 3:1-12.
2002. Một số vấn đề tiếng Việt và công nghệ thông tin [A number of questions of Vietnamese and informatic technology]. *Ngôn ngữ* (2002) 10:1-15. (co-authored with Phạm Hùng Việt, Ngô Trung Việt).
2002. Vấn đề xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam [The problem of redefining the composition of some ethnic groups in Vietnam]. *Tạp Chí Dân tộc học* (2002) 5:50-57.
2004. Một vài suy nghĩ về chính tả Việt trong công nghệ thông tin [Some thoughts on Vietnamese spelling in information technology]. *Tạp Chí Ngôn ngữ và Đời sống* (2004) 4: 1-5.
2004. Quan hệ Cao Lan, Sán Chỉ xét về mặt ngôn ngữ [The relationship between Cao Lan and San Chi as seen through language]. *Tạp Chí Dân tộc học* (2004) 3:48-60.

2004. Đặc điểm ngữ âm-âm vị học của phụ âm tắc, hữu thanh, thờ trong các ngôn ngữ ở Việt Nam và Đông Nam Á (trên bình diện đồng đại và lịch đại) [Phonetic-phonological characteristics of consonants, voicing, and breathiness in languages in Vietnam and Southeast Asia (on synchronic and diachronic levels)]. *Trong những vấn đề ngôn ngữ học*, 472-478. Hanoi: Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội.
2005. Tiếng Việt và việc xử lý tự động tiếng Việt trong công nghệ thông tin [Vietnamese and automatic processing of Vietnamese in information technology]. *Tạp Chí Ngôn ngữ và Đời sống* (2005) 6:7-9.
2005. Thanh điệu và nguồn gốc thanh điệu trong ngôn ngữ Chơ Lao [Tones and the origin of tones in the Cholao language]. Hội thảo quốc tế Ngôn ngữ học liên Á lần thứ VI, 181-201. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
2007. Giải thuyết âm vị học của Cao Xuân Hạo về cách tiếp hợp-nhìn từ các đặc trưng âm học của vần tiếng Việt (Trên cơ sở phân tích thực nghiệm bằng computer) [Phonological theory of Cao Xuan Hao on the view from the phonetic features of Vietnamese rhyme (Based on experimental analysis by computer)]. *Tạp Chí Khoa học Xã hội* (2007) 11-12:33-40.
2007. Sử dụng luật cấu tạo âm tiết tiếng Việt hai thành phần trong bài toán kiểm tra chính tả tiếng Việt [Vietnamese text spelling checking based on two-ingredients vietnamese syllable composition rule]. *Tạp chí Bưu chính Viễn thông & Công nghệ Thông tin* 10.3:83-92. (co-authored with Đinh Thị Phương Thu).
2008. Thanh điệu Việt ở những cá thể song ngữ Khmer-Việt vùng Nam Bộ [Vietnamese tones in bilingual Khmer-Vietnamese songs in the South]. *Ngôn ngữ* (2008) 12:36-40 (co-authored with Nguyễn Thị Huệ).
2008. Các ngôn ngữ nhánh Việt (Vietic) và vấn đề nguồn gốc tên gọi Cửu Chân [Languages of the Vietic branch and the problem of the origin of the name Cuu Chan]. *Tạp chí Khoa học Xã hội miền Trung* (2008) 1:26 - 34
2008. Vấn đề quan hệ ngôn ngữ tộc người các nhóm Pa cô, Ta ôi Việt Nam [The question of the linguistic relationship of the Pacoh and Taoih ethnic groups]. *Tạp chí Khoa học Xã hội miền Trung* (2008) 2:37-45.
2008. Tí (Chuột) trong hệ thập nhị chi và một số vấn đề tiền sử ngôn ngữ Đông Nam Á [‘Mouse’ in the twelve-branch system and some questions of the linguistic prehistory in Southeast Asia]. *Tạp chí Khoa học Xã hội miền Trung* (2008) 3:41-46.
2009. Giọng nói xứ Đoài: Đặc điểm và lịch sử [The accent of Doai: characteristics and history]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2009) 2: 10-11.
2010. Phục nguyên Hệ thống ngữ âm tiếng Việt thế kỉ XVII (Trên cơ sở Ditionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum-Từ điển Việt-Bồ Đào Nha – Latin của Alechxandre de Rhodes) [A phonological reconstruction of 17th century Vietnamese (based on the Annamese-Portuguese-Latin dictionary of Alexandre de Rhodes)]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2010) 5:16-29.
2010. Một số vấn đề chuẩn chính tả dấu thanh trong công nghệ thông tin và từ điển [Several standard diacritic spelling problems in information technology and dictionaries]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2010) 3:2-14.
2011. Câu chuyện “Mão: Mèo hay Thỏ” và vấn đề tiếp xúc văn hóa ngôn ngữ các dân tộc phương Đông [The story "Rabbit: Cat or Rabbit" and the issue of cultural and linguistic contact among ethnic groups in East Asia]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2011) 2: 4-11.
2011. Việc phát hiện loài sinh vật "hóa thạch sống" ở Quảng Bình: Từ góc nhìn ngôn ngữ học [The discovery of "living fossil" creatures in Quang Binh: From a linguistic perspective]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2011) 6: 83-88.
2012. Việc sử dụng các kí tự f, j, w, z trong văn bản tiếng Việt hiện nay [Using the symbols f, j, w, and z in modern Vietnamese texts]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2012) 1:7-13.
2012. Công trình tra cứu về ngôn ngữ và vấn đề bảo tồn ngôn ngữ có nguy cơ tiêu vong [The research project on language and the question of preserving endangered languages]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2012) 2:7-12.

2012. Các ngôn ngữ nhánh Việt (Vietic) ở Trung Đông Dương và vấn đề lịch sử tiếng Việt [Vietnamese languages in central Indochina and issues of Vietnamese language history]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2012) 3:4-15.
2012. Từ điển học và việc bảo tồn, phát triển ngôn ngữ có nguy cơ tiêu vong ở Việt Nam [Lexicography and preservation and development of endangered languages in Vietnam]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2012) 4:4-12.
2012. Hệ thống thanh điệu Huế (Dựa trên kết quả khảo nghiệm bằng computer) [The Hue tone system (based on the results of computer testing)]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2012) 5:54-65.
2012. Ngữ âm tiếng Việt của GS Đoàn Thiện Thuật [Vietnamese phonetics of Professor Doan Thien Thuat]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2012) 6: 79-82.
2013. Từ điển học và Bách khoa thư (phạm vi, đối tượng và quan hệ) [Lexicography and Encyclopedias (scope, object and relationship)]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2013) 3: 4-18.
2013. Từ điển học và Bách khoa thư học: Đôi điều suy nghĩ về Ngành, Nghề và Nghiệp [Lexicography and Encyclopedias: Some thoughts about Industry, Careers and Careers]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2013) 6: 10-17.
2014. GS TSKH Nina Vasilievna Solnceva- Chuyên gia nổi tiếng về các ngôn ngữ Phương Đông [Professor Nina Vasilievna Solnceva: A renowned expert on languages of the East]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2014) 2: 123-125.
2014. Đặc trưng âm vị học của âm đệm -w- và việc xây dựng bảng từ đo thính lực lời tiếng Việt [Phonological characteristics of medial -w- and the construction of a wordlist to measure perception of Vietnamese speech]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2014) 4: 27-34.
2014. Tính chuyên ngành của tạp chí *Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư* [Specialization of the Journal of Lexicography and Encyclopedias]. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư* (2014) 5: 15-16.
2016. Đối chiếu thính lực âm và thính lực lời qua bảng câu thính lực lời tiếng Việt trên bệnh nhân nghe kém tuổi già [Comparing the perception of sounds and speech through the Vietnamese perceptual questionnaire on elderly hearing impaired patients]. *Tạp chí Y học Việt Nam* (2016) 1:82-85.
2016. Nghiên cứu tác động hỗ trợ của thanh quản điện cho tập giọng thực quản [Study of the supportive effects of the electric larynx for esophageal voice training]. *Tạp chí Y học Việt Nam* (2016) 1:10-12 (co-authored with Phạm Thị Bích Đào).
2019. Tones in the cuoi language of tan ki district in nghe an province, vietnam. *Journal of the Southeast Asian Linguistics Society* 12.1: lvii- lxvi. (co-authored with Nguyen Huu Hoanh).
2020. Cơ tầng Chăm trong tiếng Quảng Bình (Trên cơ sở tư liệu về thanh điệu một số thổ ngữ ở Quảng Bình) [The Chamic substrate in the Quang Binh language (Based on tone data of some dialects in Quang Binh province)]. Hội thảo ngôn ngữ học quốc tế lần thứ IV, ngày 20 tháng 12 năm 2020, iclv-2020, Hà Nội.

II. Books

1993. *Tiếng Rục* [The Ruc language]. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
1998. *Tiếng Katu* [The Katu language]. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. (co-authored with Nguyễn Hữu Hoàn).
2003. *Hướng dẫn dạy kết hợp tiếng Việt và tiếng Dân tộc thiểu số lớp 1: Tài liệu dành cho giáo viên* [Instructions to combine Vietnamese and ethnic minority languages in grade 1: Materials for teachers]. Huế, Vietnam: Nhà xuất bản Thuận Hóa. (co-authored with Trần Văn Xuy).
2003. *Hướng dẫn dạy kết hợp tiếng Việt và tiếng Dân tộc thiểu số lớp 2: Tài liệu dành cho giáo viên* [Instructions to combine Vietnamese and ethnic minority languages in grade 2: Materials for teachers]. Huế, Vietnam: Nhà Xuất Bản Thuận Hóa. (co-authored with Tạ Văn Thông and Hoàng Huy Lập).
2003. *Dân tộc học Việt Nam: Thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI* [Ethnology in Vietnam: The twentieth century and the early years of the twenty-first century]. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. (co-authored with Khổng Diễn (editor) and Bùi Minh Đạo).

2006. *Ngữ pháp tiếng Cơ Tu* [Katu grammar]. Sở Khoa Học Và Công Nghệ Quảng Nam. (co-authored with Nguyễn Hữu Hoàn and Tạ Văn Thông).
2007. *Từ điển Cơ Tu-Việt, Việt-Cơ Tu* [A Katu-Vietnamese/Vietnamese-Katu dictionary]. Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Nam. (co-authored with Nguyễn Hữu Hoàn and Tạ Văn Thông).
2008. *Tiếng Mảng* [The Mang language]. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. (co-authored with Nguyễn Hữu Hoàn and Tạ Văn Thông).
2011. *Gelao languages: Materials on the comparative vocabulary of the Kadai languages* (in Russian). Moscow: Academia (co-authored with I.V. Samarina, O.M. Mazo, Nguyen Huu Hoanh)
2012. *Thuật ngữ học-Những vấn đề lí luận và thực tiễn* [Terminology: theoretical and practical problems]. Hà Nội: Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa. (co-authored with Hà Quang Năng and Trịnh Thị Thu Hiền).
2013. *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Những vấn đề chung)* [Language and scripts ethnic minorities in Vietnam (general issues)]. Hà Nội: Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa. (co-authored with Nguyễn Hữu Hoàn and Tạ Văn Thông).
2015. *Những kiến thức cơ bản về vùng văn hoá và nhóm ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* [Basic knowledge about cultural regions and language groups of ethnic minorities in Vietnam]. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc. (co-authored with Hoàng Xuân Lương).
2018. *Ngữ pháp tiếng Hmông* [Hmong grammar]. Thái Nguyên, Vietnam: Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. (co-authored with Lý Thị Hoa).
2020. *Nghiên cứu từ điển và bách khoa thư* [Research on lexicography and encyclopedias]. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. (co-authored with Nguyễn Huy Bình, Hoàng Thị Nhung).

Reviewed: Received 25 January 2021, revised text accepted 27 January 2021, published 1 February 2021

Editors: Editor-In-Chief Dr Mark Alves | Managing Eds. Dr Paul Sidwell, Dr Nathan Hill, Dr Sigrid Lew